

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 289/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội huyện Tây Trà đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND huyện Tây Trà tại Tờ Trình số 08/TTr-UBND ngày 25/02/2011 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 236/SKHĐT ngày 29/4/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tây Trà đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tây Trà đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

a) Phát triển kinh tế - xã hội huyện Tây Trà phải đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi gắn kết với và phát triển kinh tế - xã hội của các huyện miền núi, với trọng tâm là phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, gắn với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

b) Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế của huyện tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; phát triển hài hòa các ngành, các lĩnh vực, xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ vào năm 2015. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái nhằm phát triển bền vững kinh tế huyện.

c) Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH. Khuyến khích phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường.

d) Coi nguồn nhân lực là một nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế-xã hội huyện. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực. Gắn tăng trưởng kinh tế với công tác giảm nghèo, nâng cao mức sống và phúc lợi xã hội của nhân dân. Giải quyết nhiều việc làm cho lao động địa phương.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Phấn đấu cải thiện cơ bản vị thế kinh tế của huyện trong khu vực miền núi của tỉnh và đưa huyện trở thành huyện trung bình của tỉnh. Phát huy mọi lợi thế về đất đai, tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên rừng, đất rừng). Chú trọng phát triển nông, lâm nghiệp; tạo bước đột phá trong phát triển nông lâm nghiệp chất lượng cao, khai thác thế mạnh từ kinh tế rừng làm cơ sở để phát triển công nghiệp và từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển kinh tế phải đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững nhằm giải quyết cơ bản vấn đề về dân trí, đi đôi với công tác giảm nghèo, lạc hậu. Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội như đường giao thông, hệ thống nước sạch, trường học, bệnh viện, trạm y tế, các khu vui chơi giải trí, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc trong huyện để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của cộng đồng cư dân trong huyện.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 17-18% (2011-2015); 12-13% (2016-2020).

Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, dịch vụ đạt khoảng 29% vào năm 2015; 40% vào năm 2020 và dự kiến đến năm 2025 đạt khoảng trên 50% trên tổng giá trị sản xuất của huyện.

Trong thời kỳ 2011-2020 tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đảm bảo đến năm 2020 đường giao thông đến các thôn trong xã được nhựa hoá 80%.

- Về văn hoá, xã hội

Giữ vững phổ cập trung học cơ sở 100% cho các đối tượng trong độ tuổi, 100% trẻ em ở độ tuổi mầm non được chăm sóc tại các cơ sở giáo dục, phấn đấu đến

năm 2015 có 04 trường (20%), đến năm 2020 có 18 trường (50%) và đến năm 2025 có 30 trường (80%) đạt chuẩn quốc gia.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống dưới 50% và đến năm 2020 dưới 30%.

Thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đạt mức tăng dân số trung bình bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 1,2%/năm; giai đoạn 2016-2020 khoảng 1,1%/năm.

Cải thiện căn bản môi trường sống, nâng cao tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và các điều kiện văn hoá xã hội khác, phấn đấu 100% hộ gia đình được dùng nước hợp vệ sinh trước năm 2015.

Đến năm 2015 có 100% dân cư trên địa bàn được định canh, định cư; 100% số hộ có nhà ở, không còn tình trạng nhà tạm, dột nát.

Thường xuyên quan tâm chăm lo sức khỏe nhân dân, phấn đấu sớm (trước năm 2015) 100% số Trạm y tế có bác sỹ, 100% người nghèo được khám chữa bệnh. Đến năm 2020 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Củng cố công tác thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách trong nhân dân. Phấn đấu đạt và giữ vững 100% xã có thôn văn hoá và được phủ sóng phát thanh và truyền hình.

Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan của các vùng sinh thái đặc thù của huyện, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2015 đạt khoảng 47%; đến năm 2020 tỷ lệ này đạt khoảng 63%.

- Về an ninh, quốc phòng

Tập trung mọi nguồn lực của mọi tầng lớp nhân dân, sự phấn đấu nỗ lực của toàn hệ thống chính trị của huyện để phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp, TTCN và xây dựng

- Mục tiêu chung:

Phấn đấu đạt tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, TCN và xây dựng trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn khoảng 14,9% vào năm 2015, khoảng 20,5% vào năm 2020.

- Biện pháp cụ thể:

Bằng nhiều biện pháp huy động nguồn vốn tự có của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài huyện đầu tư phát triển công nghiệp huyện. Trong phạm vi được phân cấp, tạo điều kiện ưu tiên về đất đai và thuế đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư trên địa bàn huyện.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của huyện: chế biến nông, lâm sản; khai thác sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất hàng tiêu dùng, thủy điện.

Xây dựng khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung để phát triển sản xuất hàng hóa và thuận tiện trong việc quản lý, bảo vệ môi trường, đồng thời đẩy nhanh số lượng cũng như chất lượng hàng hoá từ công nghiệp.

- Phát triển tiêu thủ công nghiệp:

Phát triển tiêu thủ công nghiệp góp phần giải quyết việc làm cho người lao động ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu phát triển các nghề thủ công sản xuất sản phẩm từ quế, mây, chổi đót,.. đã có truyền thống và đang phát triển khá mạnh. Tiếp tục tranh thủ mọi nguồn hỗ trợ của nhà nước từ các chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a; của các tổ chức, cá nhân, mở các lớp đào tạo nghề sản xuất công nghiệp, hỗ trợ truyền nghề truyền thống cho nhân dân các xã trong huyện.

Xây dựng cụm tiêu thủ công nghiệp Đồi Sim xã Trà Phong dự kiến khoảng 26 ha; Cụm tiêu thủ công nghiệp Trà Dinh xã Trà Lãnh khoảng 2,5 - 3,5 ha.

Xây dựng 07 khu làng nghề tại các xã: Trà Thanh, Trà Thọ, Trà Xinh, Trà Trung, Trà Nham, Trà Quân, Trà Khê mỗi khu có diện tích khoảng 1,5 ha, trong đó có khu xử lý chất thải.

- Phát triển xây dựng:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác cấp phép xây dựng công trình đảm bảo đúng theo quy hoạch và thiết kế đã được duyệt. Làm tốt công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường giao thông.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ của nhà nước như chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a và các dự án, đề án phát triển cơ sở hạ tầng, xây nhà, quy hoạch cụm công nghiệp, cụm du lịch của huyện.

Triển khai các quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện như: quy hoạch chi tiết trung tâm huyện lỵ; quy hoạch chi tiết một số trung tâm cụm xã của huyện, cụ thể: Trung tâm cụm xã thôn Gõ (xã Trà Thanh), Trung tâm cụm xã thôn Trà o (xã Trà Quân), Trung tâm cụm xã thôn Bắc Dương (xã Trà Thọ).

b) Dịch vụ:

Tỷ trọng dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất đạt 13,9% vào năm 2015, đạt 20,2% vào năm 2020.

- Phát triển ngành thương mại

* Định hướng chung:

Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn 2011 - 2015 tăng 17%/năm, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 16%/năm.

+ Xây dựng trung tâm thương mại của huyện tại trung tâm huyện (dự kiến khoảng 1500 m²).

+ Xây dựng hệ thống chợ: Nâng cấp chợ trung tâm huyện (xã Trà Phong) với quy mô khoảng 0,1 ha. Xây dựng mới 05 chợ giai đoạn 2011-2015 tại Trà Thọ, Trà Quân, Trà Thanh, Trà Lãnh, Trà Trung và Trà Nham với quy mô mỗi chợ khoảng

800 m². Các xã còn lại xây dựng vào giai đoạn 2016 - 2010 với diện tích khoảng 600 m²/chợ.

Tiếp tục khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thương mại. Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại trong huyện. Hình thành Khu thương mại tập trung tại thị trấn huyện lỵ, xây dựng các chợ tập trung, cố định ở các xã.

*** Các biện pháp cụ thể:**

Khuyến khích các thành phần kinh tế đều tham gia kinh doanh thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân được vay vốn tín dụng, mở rộng cơ sở kinh doanh. Phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ như hệ thống bán hàng, cung ứng vật tư nông, lâm nghiệp; dịch vụ sửa chữa ô tô, xay xát, gia công cơ khí; dịch vụ rửa xe;...

Tham gia các Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm của tỉnh, tham gia các hoạt động hội chợ, triển lãm, đăng ký thương hiệu.

Tăng cường xã hội hoá, xây dựng hạ tầng cho phát triển thương mại.

- Phát triển ngành du lịch:

*** Định hướng chung:**

Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn nếp sống văn minh, phát huy bản sắc văn hoá của từng dân tộc trong huyện. Khai thác du lịch trên cơ sở bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hoá của huyện. Đầu tư phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với khai thác các di tích lịch sử văn hóa, các thôn bản dân tộc ít người, bảo vệ và khai thác dịch vụ du lịch di tích lịch sử Gò Rô.

*** Các biện pháp cụ thể:**

Từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, khu trung tâm dịch vụ thương mại, khách sạn, nhà hàng,...

Thực hiện quy hoạch khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam - Nước Trong quy mô khoảng 1.000 ha (nằm trên địa bàn bốn xã của huyện Trà Bồng và Tây Trà, trong đó Tây Trà có hai xã là Trà Nham và Trà Trung). Đây là khu du lịch khá đặc thù với cảnh quan thiên nhiên đẹp, thảm thực vật khá đa dạng, không khí trong lành với khu di tích lịch sử núi Cà Đam. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, hệ thống giao thông được nâng cấp, mở rộng, sẽ có khả năng thu hút được nhiều khách du lịch, dự kiến đến năm 2015, khu du lịch này có khả năng thu hút khoảng 32.000-35.000 lượt khách/ năm.

- Các loại hình dịch vụ khác:

Phát triển mạng lưới dịch vụ vận tải, tăng cường các tuyến vận tải nội huyện, nội tỉnh và liên tỉnh đáp ứng được yêu cầu chuyên chở vật tư, hàng hoá và đi lại của nhân dân, phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển hệ thống thông tin liên lạc, dịch vụ bưu chính viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập.

Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh dịch vụ tại trung tâm thị trấn, thị tứ như: dịch vụ văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí, đại lý cung cấp, dịch vụ chăm sóc cá nhân,...

Đổi mới căn bản cơ chế cung ứng các loại hình dịch vụ: khoa học công nghệ, tin học, y tế, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, tư vấn pháp luật,... đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện chuyển các hoạt động sự nghiệp sang cơ chế cung ứng dịch vụ phù hợp với cơ chế thị trường, có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ.

- Phát triển lĩnh vực ngân hàng, tài chính, tín dụng:

* Tài chính: Tăng cường các biện pháp quản lý, khai thác mọi nguồn thu, nhất là nguồn thu thuế, từ rừng, từ đất đai. Chú trọng nuôi dưỡng, phát triển các nguồn thu, nắm vững đối tượng kinh doanh để quản lý thu thuế theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý, điều hành ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cân đối giữa thu và chi ngân sách; thực hiện kiểm tra thu, chi ngân sách, bảo đảm quyết toán đúng Luật.

* Hoạt động tín dụng, ngân hàng: Khai thác tốt nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh tế của huyện. Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng; ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống các ngân hàng để thực hiện các dịch vụ qua ngân hàng an toàn, thuận tiện, hiệu quả; thực hiện việc thanh toán nhanh, chính xác.

c) Nông, lâm, thủy sản:

- Về nông nghiệp:

* Định hướng chung

Phát triển nền nông nghiệp chất lượng cao, ổn định lương thực và tăng sản phẩm hàng hoá, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và đáp ứng nhu cầu cho cộng đồng dân cư trong huyện. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới vào sản xuất. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Lồng ghép các chương trình trên địa bàn nhằm tận dụng hỗ trợ từ bên ngoài để phát triển kinh tế huyện.

Chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, phù hợp với hệ sinh thái trên những vùng địa hình khác nhau, phòng tránh thiên tai, hình thành các vùng chuyên canh tập trung có năng suất cao, gắn với công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến.

Khai thác, mở rộng diện tích trồng lúa nước và sử dụng có hiệu quả đất đai; hạn chế chuyển đất trồng lúa nước sang các mục đích khác.

Phát triển nông nghiệp trên cơ sở tăng cường và củng cố các điều kiện về kết cấu hạ tầng (hệ thống thủy lợi, giao thông, cung cấp điện) và phát triển mạnh dịch vụ nông nghiệp (dịch vụ cây, bừa, xay xát, cung ứng vật tư phân bón, phòng chống sâu bệnh, giống, tiêu thụ sản phẩm,...).

* Các biện pháp cụ thể:

- Đến năm 2015: Giá trị sản xuất phần đầu đạt khoảng 72.000 triệu đồng (theo giá so sánh 1994), tăng trưởng bình quân năm giai đoạn 2011- 2015 khoảng 14,2%/năm, trong đó nông nghiệp chiếm 60%; lâm nghiệp chiếm 35%; nuôi thủy sản chiếm 5%. Năng suất lúa bình quân đạt khoảng 29 tạ/ha; ngô đạt 25 tạ/ha. Thịt hơi các loại đạt trên 700 tấn

- Đến năm 2020: Giá trị sản xuất phần đầu đạt khoảng 109.000 triệu đồng, tăng trưởng bình quân năm giai đoạn 2016- 2020 khoảng 8,6%/năm, trong đó nông nghiệp chiếm 57,7%; lâm nghiệp chiếm 35,6%; nuôi thủy sản chiếm 6,7%. Năng suất lúa bình quân đạt khoảng 36 tạ/ha, trong đó lúa nước đạt khoảng 38 tạ/ha, lúa rẫy đạt 15 tạ/ha; ngô đạt 28 tạ/ha. Thịt hơi các loại đạt trên 1.000 tấn

- Về trồng trọt: ổn định lương thực bình quân đầu người từ 300kg/năm. Duy trì diện tích trồng các cây lương thực ở mức ổn định ở mức 1.250 ha đất trồng lúa trong suốt thời kỳ quy hoạch; đất trồng mỳ giữ khoảng 1.200ha - 1.300ha. Sản lượng lương thực có hạt đạt trên 4.500 - 4.600 tấn năm 2015 và 3.600 - 3.700 tấn vào năm 2020.

Mở rộng diện tích trồng các loại rau, đậu có giá trị cao hơn. Xây dựng các vùng chuyên canh xung quanh trung tâm huyện, quanh các cụm công nghiệp và các cụm xã. Chọn các cây có giá trị cao như phát triển cây nguyên liệu, cây rau, đậu. Mở rộng các vùng chuyên canh cây rau, đậu các loại với diện tích 160 vào năm 2015 và 170 ha vào năm 2020.

- Phát triển lâm nghiệp:

Hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh từ nghề rừng. Thực hiện rừng có chủ và tổ chức khai thác theo quy hoạch chi tiết. Tổ chức hướng dẫn cho các chủ rừng kinh doanh có hiệu quả để người trồng rừng có thu nhập ổn định, đồng thời đảm bảo nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến lâm sản. Thực hiện tốt công tác trồng rừng, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

Tận dụng tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, trước mắt thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2008 và Chương trình 661, cần phải có thiết kế lại diện tích rừng sản xuất theo hướng nhiều tầng và đa dạng chủng loại cây. Trồng mới 9.785,46ha, trong đó đất có rừng trồng sản xuất 6.281,51ha và đất có rừng trồng phòng hộ 3.503,95ha. Khoanh nuôi, tái sinh khoảng 2.867 ha rừng phục vụ sản xuất và giữ rừng phòng hộ. Độ che phủ rừng đạt trên 47% năm 2015 và lên 63% năm 2020.

- Về phát triển thủy sản:

Phát triển thủy sản bằng cách tận dụng, xen canh để tăng nhanh diện tích nuôi cá, tôm nước ngọt. Diện tích nuôi thủy sản khoảng 10ha. Sau khi Hồ chứa nước Nước Trong hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ tiến hành nuôi cá lồng trên hồ khoảng 200 lồng. Dự kiến sản lượng thủy sản, cả đánh bắt và nuôi trồng hàng năm đạt khoảng 160 - 200 tấn

Huy động mọi nguồn vốn trong dân, đồng thời tạo điều kiện để các hộ được vay vốn từ các tổ chức tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển cho vay theo chương trình phát triển hạ tầng để nuôi trồng thủy sản; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng với các loại sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Kết hợp với Trung tâm Khuyến ngư tỉnh tổ chức nhân rộng các mô hình nuôi cá có hiệu quả phù hợp với vùng đất của huyện. Thí điểm và nghiên cứu nhân rộng mô hình nuôi cá súi. Tuy nhiên, phát triển phải đi đôi với bảo vệ môi trường.

d) Các lĩnh vực xã hội:

- Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo

** Mục tiêu phát triển*

Phát triển giáo dục, đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu, có tính chiến lược hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế. Phát triển giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại hóa và chuẩn hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường đào tạo và nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục ở các bậc học, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

** Về Giáo dục Mầm non:* Đến năm 2015 hầu hết trẻ 5 tuổi được huy động đến lớp để chuẩn bị vào lớp 1, giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 8%; xây dựng từng bước các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020 huy động 70% số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ, 90% học mẫu giáo, 100% trẻ 5 tuổi đến trường; 40% trường đạt chuẩn quốc gia và đến năm 2025 phấn đấu 80% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Duy trì các trường mầm non công lập hoạt động hiệu quả; giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng bằng nhiều biện pháp tổng hợp như mở rộng tổ chức cho trẻ ăn tại lớp, hướng dẫn cho các bà mẹ nuôi dạy con cái,... Phấn đấu mỗi xã xây dựng hai trường mẫu giáo với quy mô khoảng 60 cháu/trường. Trung tâm huyện có 1-2 trường mầm non.

** Về Giáo dục phổ thông:*

- Giáo dục tiểu học: Hiện tại huyện có 5 trường tiểu học có cấp II nhô (Trà Xinh, Trà Lĩnh, Trà Khê, Trà Phong II, Trà Trung), trước mắt thành lập trường phổ thông có nhiều cấp học theo Luật Giáo dục năm 2005, khi có đủ điều kiện sẽ tách thành trường theo bậc học riêng. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tích cực thực hiện chủ trương dạy 2 buổi/ngày. Duy trì sĩ số, cố gắng vận động học sinh đến trường, đến lớp hạn chế học sinh bỏ học, tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Phụ đạo học sinh kém để hạn chế tối đa học sinh lưu ban. Phấn đấu đến năm 2015 có 100% số học sinh được học đủ 10 buổi/tuần. Phấn đấu xây dựng 2-4 trường (30% - 40%) đạt chuẩn quốc gia đến năm 2015.

- Trung học cơ sở (THCS): Giữ vững và nâng cao tiêu chí phổ cập THCS ở 100% đơn vị xã. Hạn chế tình trạng giáo viên dạy không đúng ngành đào tạo, thực hiện học 2 buổi/ngày. Phân đầu xây dựng được 20 - 60% trường đạt chuẩn quốc gia trước năm 2015, đến năm 2020 tỷ lệ này đạt 50%. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban và bỏ học đến năm 2015 xuống còn khoảng 3-4% và xuống dưới 2% đến năm 2020. Năm học 2010-2011 thành lập mới trường THCS Trà Phong trên cơ sở tách từ trường THPT Tây Trà. Giai đoạn 2016-2020 phân đầu mỗi xã có một trường THCS là trường dân tộc bán trú. Đảm bảo đủ giáo viên, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đẩy mạnh các hoạt động cải tiến phương pháp dạy học.

- Trung học phổ thông (THPT): Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo của trường THPT để tăng số học sinh tốt nghiệp THCS được học THPT; củng cố, nâng cấp trường THPT Tây Trà, thành lập riêng một trường THPT sau khi tách bậc THCS, nhằm tạo điều kiện có đủ học sinh tốt nghiệp cấp III để đưa đi đào tạo nguồn nhân lực cho huyện.

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú: Đầu tư, mở rộng, nâng cấp trường THCS Dân tộc nội trú huyện thành trường Phổ thông DTNT có nhiều cấp học đảm bảo đủ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và các điều kiện khác đáp ứng yêu cầu dạy và học theo quy định.

* *Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề*: Thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện và các Trung tâm học tập cộng đồng ở xã. Duy trì và giữ vững kết quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; đồng thời đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Xây dựng mô hình trường bán trú dân nuôi có sự hỗ trợ của Nhà nước. Mở rộng liên thông, liên kết giữa các Trung tâm và các cơ sở giáo dục, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh để tổ chức các hình thức học tập khác.

* Giải pháp phát triển

Thường xuyên tổ chức liên kết với các trường để đào tạo và nâng cao trình độ giáo viên, có chính sách khuyến khích giáo viên bám trường, bám lớp. Thực hiện tốt đề án trường bán trú dân nuôi giúp học sinh có nơi ăn, chốn nghỉ, đảm bảo các điều kiện đến trường học tập.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đánh giá chất lượng học sinh, kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng cường công tác thanh tra, quản lý chỉ đạo của ngành. Tổ chức tập huấn công tác lập kế hoạch cho các cán bộ quản lý của ngành.

Xã hội hóa mạnh mẽ công tác giáo dục đào tạo, khuyến khích phát triển trường bán công, tư thục. Huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trường học theo hướng trường chuẩn quốc gia.

- Phát triển y tế, bảo vệ sức khỏe:

* Mục tiêu phát triển:

Phát triển y tế cần hướng tới việc thực hiện công bằng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; bảo đảm cho mọi người đều được khám, chữa bệnh; thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu và cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản. Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng các loại hình khám, chữa bệnh, phát triển dịch vụ y tế theo yêu cầu, tiến tới quản lý sức khỏe đến từng hộ gia đình.

Đến năm 2012 có 100% trẻ em từ 01 đến 06 tuổi đều được tiêm phòng các bệnh: bạch hầu, ho gà, bại liệt, uốn ván, lao,... Từ năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hoá gia đình, giảm nhanh tốc độ tăng dân số. Phát triển y học cổ truyền, nghiên cứu bảo tồn các bài thuốc quý của địa phương, đẩy mạnh hoạt động y học cổ truyền tại tuyến xã. Tăng cường công tác khám chữa bệnh tại các thôn, bản cho nhân dân.

*** Các giải pháp:**

- Kiện toàn mạng lưới giám sát bệnh dịch từ cấp huyện đến cơ sở. Tất cả các sở khám chữa bệnh, có kế hoạch chủ động và chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thuốc men, hoá chất và nhân lực đảm bảo cứu chữa người bị nạn và phòng chống dịch bệnh khi có thiên tai, thảm họa xảy ra.

- Tăng cường công tác chăm sóc bà mẹ, trẻ em và thực hiện có hiệu quả công tác kế hoạch hoá gia đình. Thực hiện tốt công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cấp bảo hiểm xã hội cho nông dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý thuốc, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Quản lý có hiệu quả hoạt động của các cơ sở y, dược tư nhân.

- Phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

*** Văn hoá, thông tin**

Phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin và các phương tiện vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân trong huyện. Tăng cường thời lượng và chất lượng phát thanh, tuyên truyền các đường lối chính sách của Đảng, của Nhà nước đến với nhân dân. Phấn đấu đến năm 2020 toàn bộ (100%) các thôn có nhà văn hóa; 100% cơ quan trường học, đơn vị trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hoá, 80-90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa và 85-90% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá. Khai thác và phát huy vốn di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc trong huyện. Xây dựng khu di tích lịch sử cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi và Bảo tàng dân tộc Cor.

*** Thể dục thể thao**

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng trên cơ sở đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thành lập các tổ chức và câu lạc bộ thể thao để đa dạng hình thức tập luyện. Đầu tư cho thể thao trường học, đào tạo thể dục, thể thao thành tích cao và

phát triển các môn thể thao dân tộc. Đảm bảo mỗi xã, trường học có cơ sở tập luyện trước năm 2015.

- Dân số:

Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Dự kiến dân số trung bình của huyện đến năm 2015 là 18,29 nghìn và năm 2020 là 19,31 nghìn người.

Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2011-2015 là 1,2%/năm; giai đoạn 2016-2020 là 1,1%/năm và giai đoạn 2021 – 2025 là 1%/năm. Mật độ dân số của huyện lên đến 54, 57 và 60 người/km² vào các năm 2015, 2020, 2025 tương ứng.

- Giải quyết việc làm, thực hiện công tác giảm nghèo:

Tranh thủ mọi sự hỗ trợ của nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm. Tạo cơ hội cho người lao động tự kiếm việc làm. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh lao động kỹ thuật, lao động trong ngành sản xuất công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.

Liên kết với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh) các doanh nghiệp tổ chức các buổi hội chợ việc làm, từng bước giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động nước ngoài tăng thu nhập cho nhân dân.

* Mục tiêu cơ bản

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên khoảng 40% vào năm 2015 và đạt 50% vào năm 2020. Mỗi năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.000 lao động. Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 50% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010) và năm 2020 sẽ dưới 30%.

* Các biện pháp cụ thể : Chú trọng đến việc tự thoát nghèo vươn lên khá, giàu. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề để giải quyết nhiều việc làm cho người lao động. Thực hiện tốt các chính sách của Trung ương đối với đồng bào dân tộc các huyện miền núi, từng bước giảm nghèo, nâng cao mức sống cho nhân dân.

e) Phát triển kết cấu hạ tầng:

- Phát triển giao thông

Trước mắt nhựa hoá 73km đường huyện và cứng hoá các tuyến đường xã quan trọng tạo thuận lợi cho việc đi lại.

* Các tuyến đường huyện: Tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường đang xây dựng trong năm 2009 - 2010, gồm: Đường Trà Phong - Trà Xinh; đường Trà Lãnh - Trà Thọ; đường Trà Bao - Trà Quân và định hướng phát triển đến năm 2015 như sau: Nâng cấp và nhựa hoá tuyến Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung dài khoảng 7,5 km; hoàn thiện từng bước các tuyến đường trung tâm huyện lỵ khoảng 4,5 km; kiên cố và thâm nhập nhựa tuyến Trà Phong - Trà Thanh nối với đường Trà My - Dung Quất dài khoảng 23,5 km; kiên cố và láng nhựa đường Eo Chim - Trà Nham - Dốc Bình Minh dài 10 km; xây dựng mới tuyến Trà Phong - Trà Ka dài 9,1 km; xây dựng mới đường Trà Phong - Hà Riêng dài 5,5 km; nâng cấp và nhựa hoá tuyến đường Trà Bao - Trà

Khê dài 7 km; nâng cấp và nhựa hoá tuyến đường Trà Phong - Xóm Mới Hà Riêng dài 4 km. Định hướng phát triển đến năm 2020 như sau: Nâng cấp và nhựa hoá tuyến Trà Khê - Thôn Gõ xã Trà Thanh dài 4,5 km; xây dựng mới tuyến Trà Lãnh - Trà Bung xã Trà Phong dài 6,5 km; xây dựng mới tuyến Eo Chim - Trà Quân dài 5,5 km; xây dựng mới tuyến Trà Nham - Trà Trung dài 3,5 km; nâng cấp và nhựa hóa tuyến liên xã Trà Nham - Trà Lãnh - Trà Thọ dài 12 km; xây dựng mới đường Trà Xinh - Sơn Mùa (huyện Sơn Tây) dài khoảng 20 km; xây dựng mới đường khu tái định cư Suối Y - Hồ Nước Trong dài 4,5 km; Xây dựng mới tuyến đường Trà Phong - Thủy điện sông Tang dài 8,5 km; đồng thời thường xuyên duy tu bảo dưỡng hệ thống đường huyện.

* *Đường xã (đường liên thôn)*: Cải tạo, nâng cấp toàn bộ các tuyến đường liên thôn, liên xóm hiện có.

- Về công trình thủy lợi

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống thủy lợi, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có, đồng thời tiếp tục tận dụng các sông, suối xây dựng mới công trình thủy lợi nhằm đảm bảo đủ tưới cho 100% diện tích canh tác và tiếp tục mở rộng diện trồng trọt.

Các công trình thủy lợi cần tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới trên địa bàn huyện đến năm 2012 như: Xã Trà Phong: 17 công trình, diện tích được tưới 80,68 ha; Xã Trà Thọ: 17 công trình, diện tích được tưới 81,07 ha; Xã Trà Xinh: 8 công trình, diện tích được tưới 67 ha; Xã Trà Trung: 4 công trình, diện tích được tưới 8,5 ha; Xã Trà Khê: 7 công trình, diện tích được tưới 26 ha; Xã Trà Nham: 3 công trình, diện tích được tưới 10 ha; Xã Trà Lãnh: 12 công trình, diện tích được tưới 36,4 ha; Xã Trà Thanh: 7 công trình, diện tích được tưới 32 ha; Xã Trà Quân: 3 công trình, diện tích được tưới 16,5 ha.

Với 72 công trình thủy lợi như trên sẽ đảm bảo tưới cho khoảng 300 - 400 ha canh tác.

- Cung cấp điện

Với quan điểm phấn đấu đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ngày càng cao, đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống điện nông thôn đến năm 2012 có 100% số hộ được dùng điện.

Trong các công trình điện, trước mắt ưu tiên đầu tư cho các công trình điện phục vụ các khu tái định cư thuộc công trình hồ chứa Nước Trong như: Đồi Đé, Đồi Cà La, Bắc Nguyên, Sờ Lác, Suối Y, Tà Áng; thôn Tre, thôn Tây, thôn Nước Biếc xã Trà Thọ; Trà Veo, Trà Ôi xã Trà Xinh; Trà Bung, Trà Reo, Trà Na xã Trà Phong; thôn Đông xã Trà Khê,... Nguồn vốn để thực hiện từ nguồn vốn điện nông thôn, Chương trình 30a và chương trình 135.

- Cấp, thoát nước

Đối với trung tâm huyện Tây Trà và các cụm dân cư liền kề phải đảm bảo cấp nước sạch thường xuyên và giải quyết nước thoát, tránh gây ô nhiễm môi trường.

Đối với khu vực nông thôn phát triển hệ thống cấp nước theo nhiều quy mô

đảm bảo phù hợp với mạng lưới phân bố dân cư và địa hình từng xã. Chú ý đầu tư hệ thống nước thoát cho từng khu vực đông dân, khu vực chăn nuôi,... thực hiện tốt vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho người và đàn gia súc, gia cầm.

- Bưu chính, viễn thông

Đến năm 2015 phân đầu đạt 7 - 10 máy điện thoại/100dân; năm 2020 đạt 15 - 20 máy/100 dân (trung bình của vùng miền núi Quảng Ngãi là 12/20 cho các giai đoạn tương ứng).

Phát triển hệ thống bưu chính, viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội huyện, trong đó:

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bưu điện trung tâm huyện; nâng cao chất lượng dịch vụ Bưu chính, đặc biệt là các dịch vụ có tính chất về thời gian phát chuyển nhanh. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng các dịch vụ truyền thống, áp dụng công nghệ mới,... nhằm phát triển thêm nhiều các loại hình dịch vụ bưu chính điện tử tiện lợi, hiệu quả phục vụ tối đa nhu cầu của xã hội.

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo hệ thống điểm bưu điện văn hóa xã, đồng thời xây mới điểm bưu điện văn hóa cho các xã cũn lại để đảm bảo mỗi xã có một điểm bưu điện văn hóa xã với quy mô khoảng 80 m² tại trung tâm xã.

4. Quy hoạch phát triển theo vùng, lãnh thổ:

* Định hướng phát triển đô thị và các khu dân cư tập trung:

- Định hướng phát triển thị trấn trung tâm huyện lỵ và các đơn vị hành chính: thành lập thị trấn Trà Niêu - trung tâm huyện lỵ gồm các thôn: Gò Rô, Trà Niêu, Trà Nga và Hà Riêng thuộc xã Trà Phong; phân đầu đến năm 2015 các tiêu chí cơ bản đạt đô thị loại 5 đảm bảo đáp ứng được vai trò là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa và kinh tế của huyện. Đến năm 2020 thành lập mới xã Trà Tây trên cơ sở tách xã Trà Thọ thành 02 xã. Đến năm 2025 thành lập mới xã Trà Vinh trên cơ sở tách xã Trà Xinh thành 02 xã.

- Quy hoạch trung tâm cụm xã định hướng phát triển thành các thị tứ: Trong giai đoạn đến năm 2012 cần hình thành và xây dựng ba trung tâm cụm xã sau: Trung tâm cụm xã Trà Bao (xã Trà Quân) là trung tâm khu vực cụm của các xã Trà Quân, Trà Thanh, Trà Khê. Trung tâm cụm xã thôn Gõ (xã Trà Thanh) là trung tâm cụm xã của các xã dọc theo tuyến giao thông từ Trà Thanh đi Trà Lãnh là xã Trà Thanh, Trà Quân, Trà Lãnh và xã Trà Khê. Trung tâm cụm xã Bắc Dương (xã Trà Thọ) là trung tâm cụm xã của các xã Trà Nham, Trà Trung, Trà Thọ, Trà Lãnh.

Cần tiếp tục khảo sát để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết cho các trung tâm cụm xã trên như: đường nội bộ, trụ sở làm việc của Ban quản lý trung tâm cụm xã, chợ, điểm bưu điện văn hoá, trường học, trạm xá, trạm truyền thanh và phát sóng truyền hình, khu sinh hoạt văn hoá,... để các trung tâm cụm xã này về lâu dài là những thị tứ buôn bán sầm uất đóng vai trò là trung tâm buôn bán và dịch vụ của cụm 3-4 xã.

+ Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã Trà Thọ và Trà Xinh chưa có trụ sở kiên cố để làm việc, các xã còn lại đã đầu tư xây dựng trụ sở xã nhưng chưa đồng bộ. Do vậy, đến 2012 các công trình này cần được đầu tư xây dựng như sau:

- Xây dựng trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân các xã đảm bảo công trình cấp IV.1A, diện tích 200m²/công trình.

- Mỗi xã xây dựng một điểm bưu điện văn hoá xã, diện tích xây dựng 80 m², cấp công trình 4.2C.

+ Xây dựng các Khu tái định cư trên địa bàn huyện:

- Công trình hồ chứa nước Nước Trong được xây dựng sẽ có tác động đến đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện, trong đó có 4 xã: Trà Phong, Trà Xinh, Trà Thọ và Trà Trung. Số hộ cần phải di dời khỏi vùng lòng hồ ở bốn xã trên là 486 hộ với diện tích mất đất của những hộ này là 741 ha. Ngoài ra, còn có 55 hộ của xã Trà Thọ không thuộc diện di dời nhưng có diện tích mất đất sản xuất là 110 ha.

- Để đảm bảo cho các hộ dân di dời đến nơi ở mới có cuộc sống ổn định, cần thiết phải xây dựng các khu tái định cư. Việc xây dựng các khu dân cư mới phải được quy hoạch và xây dựng hạ tầng đảm bảo yêu cầu: Đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở nhưng phải tiết kiệm, hạn chế chuyển từ đất sản xuất nông nghiệp; bố trí dân cư phải thuận tiện cho giao lưu kinh tế, văn hoá, thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế gia đình.

* Định hướng quy hoạch khai thác, sử dụng đất:

+ Quan điểm khai thác, sử dụng đất: Sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nâng cao hiệu quả việc khai thác, sử dụng quỹ đất theo hướng:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh thâm canh, tránh thoái hóa đất, phù hợp với cơ chế thị trường, tăng giá trị làm ra trên 1 ha canh tác; Đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính; Xây dựng các vùng chuyên canh lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, dược liệu (quế, sa nhân, ba kích..), cây ăn quả (cam, mít..), chăn nuôi, nuôi thủy sản.

- Sử dụng quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, giáo dục, văn hoá thể thao,... Tổ chức không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng phải đảm bảo gắn kết các trung tâm phát triển kinh tế của huyện với các vùng xung quanh. Kết hợp chặt chẽ quá trình cải tạo các điểm dân cư cũ với việc mở rộng các điểm dân cư mới, đảm bảo kế thừa có chọn lọc quá trình lịch sử, bảo vệ giữ gìn truyền thống, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh.

- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới theo hướng đô thị, thị tứ. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng phải đảm bảo đồng bộ, bền, đẹp, hài hoà giữa đất ở với đất các công trình công cộng khác như hệ thống giao thông, bến xe, chỗ để xe, công trình cấp thoát nước, điện, y tế, giáo dục,...

* Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên đất: Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 33.776,07 ha, trước thực trạng sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và để đảm bảo cho phát triển phù hợp với sự gia tăng dân số, phát triển kinh tế – xã hội, định hướng quy hoạch khai thác sử dụng đất trên địa bàn huyện Tây Trà trong

thời kỳ quy hoạch như sau:

- Đến năm 2015: Đất nông nghiệp sẽ tăng lên khoảng 24.704,65 ha (chiếm khoảng 73,14% tổng diện tích tự nhiên của huyện); đất phi nông nghiệp tăng dần, chiếm khoảng 7,63%, trong đó: Đất ở dự kiến 259,58 ha (chiếm 0,77% tổng diện tích tự nhiên), đất chuyên dùng dự kiến 1.138,09 ha (chiếm 3,37% tổng diện tích tự nhiên), đất nghĩa trang, nghĩa địa khoảng 20,35 ha (chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên) và đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng tăng lên khoảng 1.160,46 ha (do tính cả hồ chứa Nước Trong, chiếm khoảng 3,44% tổng diện tích tự nhiên). Đất chưa sử dụng dự kiến đến năm 2015 giảm còn khoảng 6492,94 ha (chiếm 19,22% tổng diện tích tự nhiên của huyện).

- Đến năm 2020: Đất nông nghiệp tăng lên nhưng không nhiều so năm 2015 chiếm khoảng 73,32% tổng diện tích tự nhiên của huyện do đất khai hoang được để sản xuất nông nghiệp không còn nhiều, đồng thời nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích khác tiếp tục tăng. Đất phi nông nghiệp tăng lên chiếm tới 7,71%, trong đó: Đất ở dự kiến 270 ha (chiếm 0,80% tổng diện tích tự nhiên), đất chuyên dùng dự kiến 1.138,09 ha (chiếm 3,37% tổng diện tích tự nhiên), đất nghĩa trang, nghĩa địa khoảng 25 ha (chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên); đất chưa sử dụng dự kiến đến năm 2020 giảm không nhiều so năm 2015, còn khoảng 6.407,42 ha (chiếm 18,97% tổng diện tích tự nhiên của huyện).

5. Các giải pháp để thực hiện quy hoạch

* Giải pháp thu hút vốn đầu tư.

Với phương án tăng trưởng kinh tế trên địa bàn huyện Tây Trà đã được chọn (theo phương án II), dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho cả giai đoạn 2011-2020 khoảng 693 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 – 2015 là 118 tỷ, bình quân khoảng 24 tỷ đồng/năm và giai đoạn 2016-2020 khoảng 475 tỷ đồng, bình quân khoảng 50 tỷ đồng/năm. Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư như trên cần phải có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau:

a) Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Dự kiến vốn đầu tư từ ngân sách sẽ đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu vốn đầu tư.

Để nâng cao nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển. Kêu gọi Trung ương và Tỉnh đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, cung cấp điện, thủy lợi,...

b) Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và từ dân: Ước tính chiếm khoảng 10% trong cơ cấu vốn đầu tư. Để tăng nguồn vốn này cần thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có các biện pháp khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp bỏ vốn vào xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

c) Vốn tín dụng và liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài huyện: dự kiến sẽ đáp ứng được 10% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

d) Cùng với tình nghiên cứu, tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách để tạo môi trường đầu tư thuận lợi, trong đó:

- Khuyến khích phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, đảm bảo quyền bình đẳng trong sản xuất kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

- Thực hiện các chính sách thông thoáng, thực hiện tốt "chế độ một cửa", để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư trên địa bàn huyện.

- Áp dụng một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư như BOT trong nước, áp dụng phương thức đấu giá quyền sử dụng đất để phát triển đô thị.

- Ưu tiên đầu tư từ ngân sách cho công tác tái định cư, bồi thường giải phóng mặt bằng, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động,...

* Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng:

Phấn đấu đến năm 2012 hoàn thành việc kiên cố hóa hệ thống đường huyện và các tuyến đường từ huyện về trung tâm xã, tạo thuận lợi cho việc đi lại, trao đổi hàng hoá giữa các vùng, đảm bảo giao thông thông suốt bốn mùa.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống thủy lợi, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có, đồng thời tiếp tục tận dụng các sông, suối xây dựng mới công trình thủy lợi nhằm đảm bảo đủ tưới cho 100% diện tích canh tác và tiếp tục mở rộng diện tích trồng trọt.

Phấn đấu đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ngày càng cao; phấn đấu 100% hộ được dùng điện lưới quốc gia trước năm 2015. Phát triển hệ thống bưu chính viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội huyện.

Phát triển hệ thống cấp nước: Đối với trung tâm huyện lỵ Tây Trà và các cụm dân cư liền kề phải đảm bảo cấp nước sạch thường xuyên và giải quyết nước thoát, tránh gây ô nhiễm môi trường. Đối với khu vực nông thôn phát triển hệ thống cấp nước theo nhiều quy mô đảm bảo phù hợp với mạng lưới phân bố dân cư và địa hình từng xã. Chú ý đầu tư hệ thống nước thoát cho từng khu vực đông dân, khu vực chăn nuôi nhằm thực hiện tốt vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

* Phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo và sức khoẻ cho người lao động.

Đẩy mạnh đào tạo và thực hiện tốt chính sách đổi mới để thu hút lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật cho các ngành của huyện. Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý Nhà nước. Chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ cho sản xuất kinh doanh. Mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm.

* Phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường: Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường.

* Giải pháp hợp tác với các địa phương trong tỉnh và vùng:

- Phối hợp với địa phương trong tỉnh xây dựng các tour du lịch; giới thiệu và tư vấn tìm việc làm, xuất khẩu lao động ra nước ngoài,...

- Phối hợp với các địa phương như huyện Sơn Hà, Trà Bồng,...trong vùng trong xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng, nhất là các tuyến đường giao thông, xây dựng mạng lưới chợ trung tâm cụm xã cung cấp các loại hàng nông, lâm sản, thực phẩm, rau hoa quả chất lượng cao cho thị trường. Nhất là hệ thống bệnh viện, y tế, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho nhân dân trước khi chuyển lên tuyến trên.

* Thực hiện tốt một số cơ chế, chính sách của Nhà nước hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các huyện, xã miền núi, vùng cao.

* Thực hiện tốt chính sách hợp tác và hỗ trợ phát triển giữa các vùng miền trên địa bàn tỉnh:

- Hỗ trợ vốn lưu động cho những doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác và hộ gia đình kinh tế trang trại, doanh nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nhằm khai thác tiềm năng về vốn, kỹ thuật lao động.

- Chính sách hợp tác: Các địa phương tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ các nhà đầu tư đến các địa phương để đầu tư các cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào địa phương và phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Khuyến khích thành lập các tổ, nhóm liên gia để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, đời sống, vay và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng trong nông thôn. Tiếp tục thực hiện sự hợp tác giúp đỡ theo hướng mỗi sở, ngành ở từng tỉnh giúp đỡ một xã đặc biệt khó khăn.

* Tổ chức điều hành thực hiện quy hoạch:

a) Sau khi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện giao cho các ban, ngành có liên quan trong huyện khẩn trương triển khai thực hiện quy hoạch.

b) Thực hiện công khai hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; tuyên truyền, vận động nhân dân và các nhà đầu tư cùng với huyện thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

c) Thường kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

d) Triển khai các quy hoạch chi tiết như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu du lịch, khu dân cư tập trung,...

6. Danh mục các công trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020:

(Phụ lục danh mục dự án chi tiết kèm theo)

Điều 2. UBND huyện Tây Trà căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch để tổ chức triển khai thực hiện, phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh chỉ đạo xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện theo các nội dung sau:

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ và bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các sở, ngành liên quan của tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và hỗ trợ UBND huyện Tây Trà nghiên cứu lập các quy hoạch chi tiết nêu tại Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án theo lĩnh vực ngành có tác động quan trọng đối với sự phát triển của huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên kết nêu trong quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Tây Trà và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

Phục lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2010 – 2020 HUYỆN TÂY TRÀ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-UBND ngày 23/12/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án
A	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ
1	Nâng cấp và nhựa hoá đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung
2	Thâm nhập nhựa tuyến Trà Phong - Trà Thanh nội đường Trà My - Dung Quất.
3	Kiên cố và láng nhựa tuyến đường Eo Chim - Trà Nham - Dốc Bình Minh (Trà Tân).
4	Nâng cấp và nhựa hoá đường Trà Bao - Trà Khê
B	DỰ ÁN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH.
1	Tuyến đường Trà Phong - Trà Ka (Bắc Trà My)
2	Tuyến đường Trà Phong - Hà Riềng
3	Hoàn thiện các tuyến đường nội bộ trung tâm huyện
4	Tuyến đường Trà Phong - Xóm mới Hà Riềng
5	Xây dựng các công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ trên địa bàn 9 xã
6	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện.
7	Trung tâm thương mại huyện.
8	Trung tâm thể dục thể thao huyện.
9	Trung tâm dạy nghề huyện
10	Trung tâm y tế dự phòng
11	Trung tâm cụm xã thôn Trà Bao
12	Trung tâm cụm xã thôn Gõ
13	Trung tâm cụm xã thôn Bắc Dương
14	Tượng đài chiến thắng Gò Rô
15	Tượng đài chiến thắng Đổ Xá.
16	Khu di tích khởi nghĩa Trà Bồng và Miền Tây Quảng Ngãi.
17	Bảo tàng dân tộc Cor
18	Phòng khám đa khoa khu vực Trà Thanh - Trà Bao - Trà Khê
C	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
1	Tuyến Trà Khê - Thôn Gõ (Trà Thanh)

2	Tuyến Trà Lãnh - Trà Bung (Trà Phong)
3	Tuyến Eo Chim - Trà Quân
4	Tuyến Trà Nham - Trà Trung
5	Tuyến Trà Xinh - Sơn Mùa (huyện Sơn Tây)
6	Tuyến khu tái định cư Suối Y - Hồ Nước Trong
7	Tuyến Trà Phong - Thủy điện Sông Tang
D	NGUỒN VỐN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ.
1	Nhà máy thủy điện sông Tang 1.
2	Nhà máy thủy điện sông Tang 2.
3	Nhà máy thủy điện sông Kem.

***Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên được xác định cụ thể khi lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư trong từng thời kỳ./.